Nội dung bài viết

1. Đề thi giữa kì 1 Toán 6 năm 2023 - 2024 Chân trời sáng tạo - Đề số 1
1. Đáp án đề kiểm tra giữa kì 1 Toán 6 năm 2023 Chân trời sáng tạo - Đề số 1
2. Đề thi giữa kì 1 lớp 6 môn Toán năm 2023 Chân trời sáng tạo - Đề số 2
3. Đề thi giữa học kì 1 lớp 6 môn Toán năm 2023 Chân trời sáng tạo - Đề số 3

Đề thi giữa kì 1 Toán 6 năm 2023 - 2024 Chân trời sáng tạo - Đề số 1

Phần trắc nghiệm (4 điểm)

Câu 1: Viết tập hợp sau $A = \{x \in N \mid 12 \le x < 15\}$ bằng cách liệt kê các phần tử:

A) A = {12; 13; 14; 15}

B) A = {13; 14}

C) A = {12; 13; 14}

D) A = {13; 14; 15}

Câu 2: Kết quả của phép tính $(4^2.3 - 20 : 5).3$ là

A) 132

B) 130

C) 120

D) 126

Câu 3: Trong các tập hợp sau đây, tập hợp nào chỉ toàn số nguyên tố.

A) A = {17; 19; 23; 27}

B) B = {19; 23; 25; 31}

C) C = {17; 19; 23; 31}

D) D = {17; 25; 27; 31}

Câu 4: Hình bình hành không có tính chất nào sau đây?

A) Bốn cạnh bằng nhau

B) Hai đường chéo cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

C) Hai cặp cạnh đối diện bằng nhau

D) Hai cặp cạnh đối diện song song.

Câu 5: Phân tích số 280 ra thừa số nguyên tố ta được kết quả là:

A) $2^2.5.7$

B) $2^3.3.5$

C) $2^3.3.7$

D) $2^3.5.7$

Câu 6: Hình chữ nhật có chiều dài là 8cm và chiều rộng là 6cm có diện tích là:

A) 48 cm

B) 28 cm^2

C) 24 cm^2

D) 48 cm^2

Câu 7: Trong các khẳng định sau đây khẳng định nào sai:

A) Số chia hết cho cả 2 và 5 thì có tận cùng là 0.

B) Những số chia hết cho 3 thì chia hết cho 9.

C) Những số chia hết cho 9 thì chia hết cho 3.

D) Những số có tận cùng là 5 thì chia hết cho 5

Câu 8: Khẳng định nào sau đây là khẳng định đúng về hình chữ nhật

A) Bốn cạnh bằng nhau

B) Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

C) Hai đường chéo vuông góc với nhau.

D) Chu vi hình chữ nhật là tích của chiều dài và chiều rộng.

II. Phần tự luận (6 điểm)

Câu 1: Thực hiện các phép tính sau:

a) $6.3^2 - 3.2^3$

b) 17.32 + 32.90 – 32.7

c) 120 : {54 - [50 : 2 - (32 - 2,4)]}

d) 18:3 + 182 + 3.(51 : 17)

Câu 2: Học sinh lớp 6C khi xếp hàng 2, hàng 3, hàng 4, hàng 8 đều vừa đủ hàng. Biết số học sinh lớp đó từ 35 đến 60 học sinh. Tính số học sinh lớp 6C.

Câu 3: Tìm $x \in N$ biết:

a) 2x + 17 = 45

b) 35 – 5(x – 1) = 10

c) $24.(x - 16) = 12^2$

d) $(x^2 - 10) : 5$

Câu 4: Tìm tất cả các số tự nhiên n thỏa mãn 5n + 14 chia hết cho n + 2?

Đáp án đề kiểm tra giữa kì 1 Toán 6 năm 2023 Chân trời sáng tạo - Đề số 1

Câu 1: C

Vì $12 \le x < 5$ nên $x \in \{12; 13; 14\}$ do đáp tập A = {12; 13; 14} .

Chú ý: $x \ge 12$ nên ta lấy được cả 12

Câu 2: A

$(4^2.3 - 20 : 5).3 = (16.3 - 4).3 = (48 - 4) .3 = 44.3 = 132$

Câu 3: C

Giải thích:

A = {17; 19; 23; 27} sai vì 27 là hợp số

B = {19; 23; 25; 31} sai vì 25 là hợp số

C = {17; 19; 23; 31} đúng vì tất cả các số đã cho là số nguyên tố

D = {17; 25; 27; 31} vì 25 và 27 là hợp số.

Câu 4: A

Vì hình bình hành chỉ có các cạnh đối diện nhau thì mới bằng nhau.

Câu 5: D

280	2
140	2
70	2
35	5
7	7
1	

Vậy $280 = 2^3.5.7$

Câu 6: D

Diện tích hình chữ nhật là:

$S = 8.6 = 48\ cm^2$

Câu 7: B

Giải thích:

A) Số chia hết cho cả 2 và 5 thì có tận cùng là 0.

Khẳng định A đúng vì số chia hết cho 5 có tận cùng là 0 và 5 còn số chia hết cho 2 có tận cùng là 0; 2; 4; 6; 8. Do đó số chia hết cho cả 2 và 5 phải có tận cùng là 0.

B) Những số chia hết cho 3 thì chia hết cho 9.

Sai vì 6 chia hết cho 3 nhưng không chia hết cho 9

C) Những số chia hết cho 9 thì chia hết cho 3.

Đúng vì những số chia hết cho 9 sẽ có tổng các chữ số của nó chia hết cho 9 nên tổng các chữ số của nó có dạng 9k. Mà 9k = 3.(3k) nên tổng các chữ số của số đó chia hết cho 3. Do đó số đó chia hết cho 3.

D) Những số có tận cùng là 5 thì chia hết cho 5

Đúng vì theo dấu hiệu chia hết cho 5 thì những số có tận cùng là 0 hoặc 5 thì chia hết cho 5

Câu 8: B

Giải thích:

A) Bốn cạnh bằng nhau

Khẳng định A sai vì hình chữ nhật chỉ có các cạnh đối bằng nhau.

B) Hai đường chéo bằng nhau và cắt nhau tại trung điểm mỗi đường.

Đúng vì đây là tính chất của hình chữ nhật.

C) Hai đường chéo vuông góc với nhau.

Sai vì hình chữ nhật chỉ có hai đường chéo bằng nhau chứ không vuông góc.

D) Chu vi hình chữ nhật là tích của chiều dài và chiều rộng.

Sai vì tích của chiều dài và chiều rộng là diện tích hình chữ nhật, còn chu vi hình chữ nhật là hai lần tổng chiều dài và chiều rộng.

II. Phần tự luận

Câu 1:

a) $6.3^2 - 3.2^3$

$= 6.9 – 3.8 = 54 – 24 = 30.$

b) Cách 1:

$17.32 + 32.90 – 32.7$

$= 32.(17 + 90 – 7) = 32.(107 – 7) = 32.100 = 3200$

Cách 2:

$17.32 + 32.90 – 32.7$

$= 544 + 2880 – 224$

$= 3424 – 224 = 3200$

c) $120 : \{54 - [50 : 2 - (3^2 - 2.4]\}$

$= 120: \{54 - [25 - (9 - 8)]\}$

$= 120:\{54 - [25 - 1]\}$

= 120:{54 - 24}

= 120:30 = 4

d) 18:3 + 182 + 3.

= 6 +182 + 3.3

= 6 + 182 + 9

= 197.

Câu 2:

Lời giải:

Gọi số học sinh lớp 6C là a ($a \in N; 35 \le a \le 60$)

Vì số học sinh xếp thành hàng 2, hàng 3, hàng 4, hàng 8 đều vừa đủ nên a là bội chung của 2; 3; 4; 8. Hay $a \in BC(2; 3; 4; 8)$

Ta tìm bội chung của 2; 3; 4; 8

Ta có:

2 = 2

3 = 3

$4 = 2.2 = 2^2$

$8 = 2.2.2 = 2^3$

Bội chung nhỏ nhất của 2; 3; 4; 8 là: $3. 2^3 = 3.8 = 24$

Vì bội chung là bội của bội chung nhỏ nhất nên ta có:

BC(2; 3; 4; 8) = {0; 24; 48; 72; 96...}

Vì số học sinh trong khoảng từ 35 đến 60 nên a = 48.

Vậy lớp 6C có 48 học sinh.

Câu 3: Tìm x biết:

a) $2x + 17 = 45$

$2x = 45 - 17$

$2x = 28$

$x = 28:2$

$x = 14$

Vậy $x = 14$

b) $35 - 5(x - 1) = 10$

$5(x - 1) = 35 - 10$

$5(x - 1) = 25$

$x - 1 = 25:5$

$x - 1 = 5$

$x = 5 + 1$

$x = 6$

Vậy $x = 6$

c) $24.(x - 16) = 12^2$

$24(x - 16) = 144$

$x - 16 = 144:24$

$x - 16 = 6$

$x = 6 + 16$

x = 22

Vậy x = 22

d) $(x^2 - 10) : 5 = 3$

$(x^2 - 10) = 3.5$

$x^2 - 10 = 15$

$x^2 = 15 + 10$

$x^2 = 25$

x = 5

Vậy x = 5.

Câu 4:

Lời giải:

Với mọi số tự nhiên n ta có (n + 2) chia hết cho (n + 2)

Do đó: 5(n + 2) chia hết cho (n + 2) hay (5n + 10) chia hết cho (n + 2)

Ta có: (5n + 14) = (5n + 10 + 4)

Để (5n + 14) chia hết cho (n + 2) thì 4 chia hết cho (n + 2) hay (n + 2) là ước của 4

Ư(4) = {1; 2; 4}

n + 2	1	2	4
n	không tồn tại n	0	2

Đề thi giữa kì 1 lớp 6 môn Toán năm 2023 Chân trời sáng tạo - Đề số 2

I. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Viết tập hợp sau A = {x∈ N | 8 ≤ x ≤ 12} bằng cách liệt kê các phần tử:

A) A = {8; 9; 10; 11; 12}

B) A = {9; 10; 11; 12}

C) A = {9; 10; 11}

D) A = {9; 10; 11; 12}

Câu 2: Số tự nhiên chia cho 10 dư 5 có dạng

A) 5k + 10 (với k ∈ N)

B) 5k -10 (với k ∈ N)

C) 10k + 3 (với k ∈ N)

D) 10k + 5 (với k ∈ N)

Câu 3: Phân tích số 300 ra thừa số nguyên tố

A) $2^3.3.5^2$

B) $2^2.3.5^2$

C) $2.3^2.5^2$

D) $2^3.3.5$

Câu 4: Kết quả của phép tính: $250 - 5^2 - (3^2 + 12):3$

A) 218

B) 268

C) 232

D) 240

Câu 5: Trong các khẳng định sau, khẳng định nào sai

A) Số đối của số -6 là số 6.

B) Số đối của số 0 là số 0.

C) Số -5 nằm bên trái số -4 nên ta nói -5 lớn hơn – 4.

D) Số 0 không phải số nguyên âm cũng không phải số nguyên dương.

Câu 6: Trong các dãy số dưới đây, dãy nào chỉ toàn là số nguyên tố.

A) 1; 3; 5; 7

B) 2; 3; 5; 7

C) 1; 2; 3; 5; 7

D) 3; 5; 7; 9

Câu 7: Cho các số nguyên sau: 0; -3; 2; 5; -4; 4; 6. Sắp xếp các số nguyên đã cho theo thứ tự tăng dần

A) -3; -4; 0; 2; 4; 5; 6

B) 0; -3; -4; 2; 4; 5; 6

C) 6; 5; 4; 2; 0; -3; -4

D) -4; -3; 0; 2; 4; 5; 6

Câu 8: Tập hợp $A = \{a \in Z \mid -5 < a < 2\}$

A) 5

B) 7

C) 6

D) 8

Câu 9: Tìm số $x \in Z$ thỏa mãn: $2x + 35 = 17$

A) 12

B) 9

C) 26

D) -9

Câu 10: Kết quả của phép tính: $2^3 - 2.(-3) + 5^2$

A) 39

B) 25

C) 27

D) 14

II. Tự luận

Bài 1: Thực hiện phép tính

a) (4 + 32 + 6) + (10 – 32 – 2)

b) (56.35 + 56.18):53

c) 12:{400:[500 – (125 + 25.7)]}

d) 303 – 3.{[655 – (18:2 + 1). +5]}: 10^0

Bài 2: Tìm x $\in$ Z biết:

a) $2^2 + (x + 3) = 5^2$

b) 125 – 5(4 + x) = 15

c) (15 + x):3 = $3^{15} : 3^{12}$

d) $2^{x+1} - 2^x = 32$

Bài 3: Bạn Vinh có 48 viên bi đỏ, 30 viên bi xanh, 66 viên bi vàng. Vinh muốn chia đều số bi vào các túi sao cho mỗi túi đều có cả ba loại bi. Hỏi Vinh có thể chia nhiều nhất bao nhiêu túi. Khi đó mỗi túi có bao nhiêu viên bi mỗi loại.

Bài 4: Tìm các số tự nhiên x; y biết 2xy + x + 2y = 13

.....

.....

.....

Đề thi giữa học kì 1 lớp 6 môn Toán năm 2023 Chân trời sáng tạo - Đề số 3

I. Phần trắc nghiệm

Câu 1: Trong các hình sau đây hình nào là hình vuông?

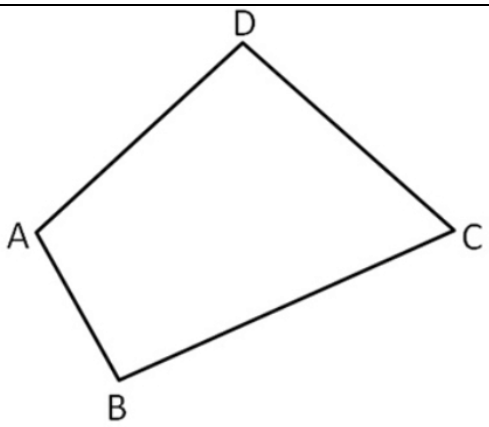

Hình a

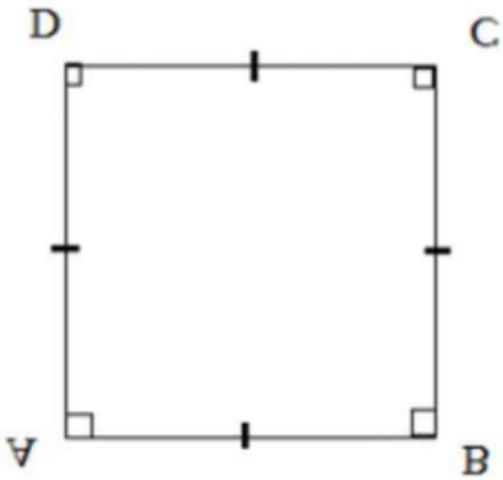

Hình b

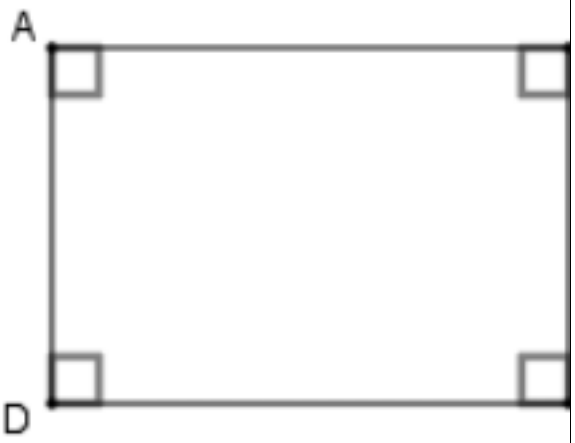

Hình c

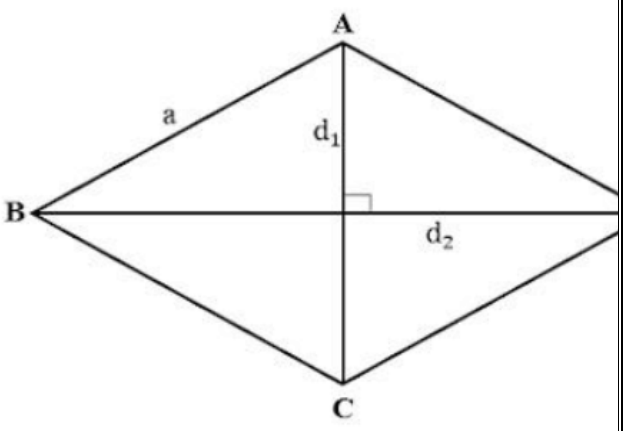

Hình d

A) Hình a

B) Hình b

C) Hình c

D) Hình d

Câu 2: Phân tích số 108 ra thừa số nguyên tố ta được:

A) $2^2.3^3$

B) $3^2.2^2$

C) $3^2.2^3$

D) $3^3.2^3$

Câu 3: Từ 35 đến 60 có bao nhiêu số nguyên tố:

A) 4 số

B) 7 số

C) 5 số

D) 6 số

Câu 4: Kết quả của phép tính $2^3.3 - (1^{10} + 15) : 16$ là:

A) 22

B) 23

C) 24

D) 25

Câu 5: Chọn câu sai trong các câu dưới đây

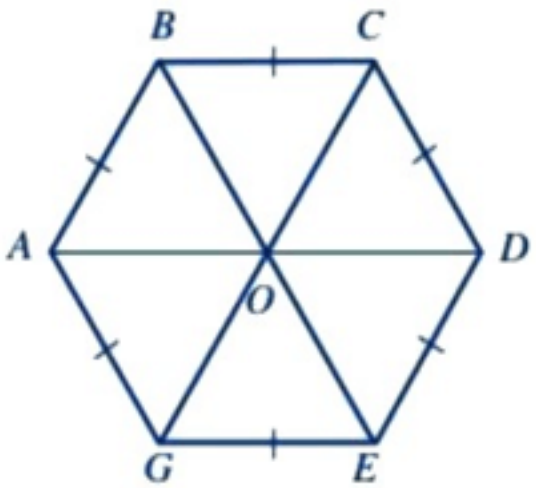

A) Sáu cạnh bằng nhau: AB = BC = CD = DE = EG = GA

B) Sáu góc đỉnh A, B, C, D, E, G bằng nhau.

C) Ba đường chéo chính là AD, BE, CG bằng nhau

D) Các đoạn thẳng BG = CG.

Câu 6: Tìm số tự nhiên x thỏa mãn:$3^2 + 2x + 6 = 21$

A) 2

B) 5

C) 3

D) 4

Câu 7: Diện tích tam giác có chiều cao là 5cm và độ dài cạnh đáy tương ứng là 8cm là:

A) 20 cm^2

B) 15 cm^2

C) 40 cm^2

D) 25 cm^2

Câu 8: Chọn câu sai trong các câu dưới đây:

Cho hình thoi ABCD

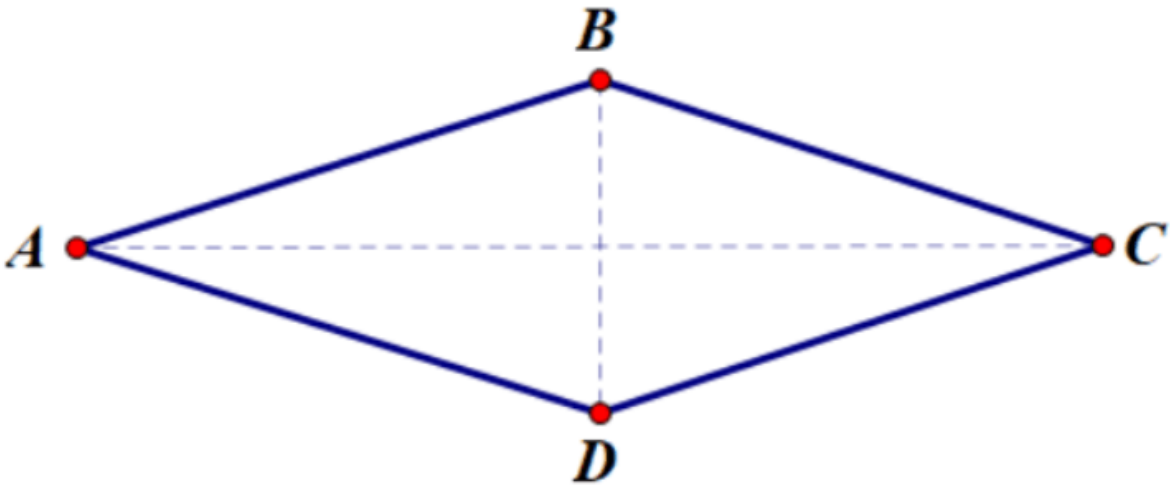

A) AB song song với CD và BC song song với AD.

B) AB = BC = CD= AD

C) AC và BD vuông góc với nhau

D) Bốn góc đỉnh A, B, C, D bằng nhau.

II. Phần tự luận

Bài 1: Thực hiện phép tính

a) 2^{11} :

b) $6^2.10 : \{780 : [10^3 - (2.5^3 + 35.14)]\}$

Bài 2: Tìm x

a) 2x + 15 = 142:2

b) (x + 1) + (x + 2) + (x + 3) + … + (x + 10) = 75

Bài 3: Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật có chiều dài là 12cm và chiều rộng là 8cm.

Bài 4: Lớp bạn Hoa cần chia 171 chiếc bút bi, 63 chiếc bút chì và 27 cục tẩy vào trong các túi quà mang đi tặng ở trung tâm trẻ mồcôi sao cho số bút bi, bút chì và cục tẩy ở mỗi bên đều như nhau. Tính số lượng túi quà nhiều nhất mà các bạn lớp Hoa có thể chia. Khi đó, số lượng của mỗi loại bút bi, bút chì, cục tẩy trong mỗi túi quà là bao nhiêu.

Bài 5: Cho $A = 1 + 3 + 3^2 + 3^3 + ... + 3^{101}$. Chứng minh rằng A chia hết cho 13.